

Số: 38 /2020 CV/VCS-QHCD

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh  
riêng công ty mẹ quý I năm 2020

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ quý I năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 chi tiết như sau:

### I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý I.2020	Quý I.2019	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,344,228,739,065	1,131,886,735,541	212,342,003,524	18.76
11	Giá vốn hàng bán	921,785,502,555	775,234,686,557	146,550,815,998	18.90
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	422,443,236,510	356,652,048,984	65,791,187,526	18.45
21	Doanh thu hoạt động tài chính	11,987,898,312	6,832,164,954	5,155,733,358	75.46
22	Chi phí tài chính	36,267,379,489	9,315,237,992	26,952,141,497	289.33
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	12,460,264,438	8,816,411,384	3,643,853,054	41.33
25	Chi phí bán hàng	30,636,687,087	35,361,786,592	(4,725,099,505)	(13.36)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,868,648,550	12,832,398,315	2,036,250,235	15.87
31	Thu nhập khác	351,209,509	281,559,445	69,650,064	24.74
32	Chi phí khác	3,708,997,736	281,559,445	3,427,438,291	1,217.31
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	349,300,631,469	305,974,791,039	43,325,840,430	14.16
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52,217,098,863	46,254,895,238	5,962,203,625	12.89
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	297,083,532,606	259,719,895,801	37,363,636,805	14.39



## II. Nguyên nhân biến động

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty tăng 212,342,003,524 đồng (18.76%) so với cùng kỳ năm trước, do doanh thu thành phẩm tăng 154,947,627,201 đồng (14.82%); doanh thu nguyên vật liệu, phụ tùng tăng 57,394,376,323 đồng (66.60%).

2. Giá vốn hàng bán tăng 146,550,815,998 đồng (18.90%) trong đó: Giá vốn của thành phẩm tăng: 94,965,502,115 đồng; giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng tăng: 51,585,313,883 đồng.

3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 65,791,187,526 đồng (18.45%) chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp của thành phẩm bán ra tăng 59,982,125,086 đồng (17.05%)
- Lợi nhuận gộp về bán nguyên vật liệu, phụ tùng tăng 5,809,062,440 đồng (117.59%)

4. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 5,155,733,358 đồng (75.46%) chủ yếu do: lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 4,712,547,249 đồng (505.69%)

5. Chi phí tài chính tăng 26,952,141,497 đồng (289.33%) do:

- Lãi tiền vay tăng 3,643,853,054 đồng (41.33%)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 23,308,288,443 đồng (4,672.62%)

6. Chi phí bán hàng giảm 4,725,099,505 đồng (-13.36%) cụ thể:

- Chi phí vật liệu, dụng cụ bán hàng giảm 589,155,447 đồng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 8,878,078,401 đồng
- Chi phí nhân viên bán hàng tăng: 731,871,056 đồng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ tăng: 63,038,891 đồng
- Chi phí bằng tiền khác tăng: 3,947,224,396 đồng

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 2,036,250,235 đồng (15.87%) chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 1,621,622,505 đồng; chi phí bằng tiền khác tăng 498,811,928 đồng.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 43,325,840,430 đồng (14.16%), lợi nhuận sau thuế tăng: 37,363,636,805 đồng (14.39%) so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân: Doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính tăng và chi phí bán hàng giảm.

Xin chân thành cảm ơn./ *Ban*

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCB,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phạm Anh Tuấn*